

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2020/HS-ST  
Ngày 09-12-2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Nguyễn Văn Chương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

B, sinh năm 1980 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 01/19/212 Đ, phường V, quận Q, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà L; có vợ là Đ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 9 năm 2020; có mặt.

\* Bị hại: Chị L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh P, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 12 đường 25/10 thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 chị L đến nhà chị Đ là vợ của B ở thôn 3, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng để mua một con chó về nuôi. Do chị L đi một mình không mang chó về nhà được nên B đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 16P9-1472 chở vợ là chị Đào Thị Ngải mang chó đến nhà chị L ở thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khi đến cổng nhà chị L, B quan sát thấy chị L lấy chìa khóa ở trụ cổng bên trái để mở khóa cổng đi vào sân và lấy chìa khóa trên mặt bể nước để mở khóa cửa vào nhà. Do nghiện ma túy và đang nợ tiền của nhiều người nên B đã nảy sinh ý định đến nhà chị L lấy tài sản để có tiền trả nợ. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 16 tháng 6 năm 2020 B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 16P9-1472 đến nhà chị L thấy cổng khóa, không có ai ở nhà nên B đã đến vị trí nhà chị L cất giấu chìa khóa cổng và chìa khóa cửa nhà, B mở cổng và mở cửa đi vào trong nhà lấy 01 chiếc ví giả da màu đen của chị L để trên mặt bàn học, kiểm tra thấy trong ví có tiền nên B đã lấy chiếc ví mang ra ngoài để vào trong cốp xe. Sau đó B khóa cửa nhà và khóa cổng để chìa khóa vào vị trí cũ rồi điều khiển xe mô tô đi về. Khi đi gần đến tỉnh lộ 359 B đỗ xe lại và lấy ví ra kiểm tra thấy bên trong có 33.700.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, B lấy tiền cho vào túi quần, còn chiếc ví để lại vào cốp xe mô tô. Số tiền chiếm đoạt được của chị L, B đã sửa xe mô tô tại cửa hàng sửa xe của anh P tại thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng hết số tiền là 500.000 đồng, trả cho người đàn ông có tên là Tú (không xác định được căn cước, lý lịch) số tiền là 25.000.000 đồng tại khu vực ngã tư Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, trả cho người đàn ông có tên là Hùng (không xác định được căn cước, lý lịch) số tiền là 3.000.000 đồng tại khu vực vòng xuyến trên đường Nguyễn Bình Khiêm, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và chi tiêu cá nhân hết số tiền là 815.000 đồng, còn lại số tiền là 4.385.000 đồng B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an. Ngày 14 tháng 9 năm 2020 B bị bắt tạm giam. Về nhân thân của người đàn ông tên Tú và Hùng là những người B trả nợ, quá trình điều tra B khai không biết tuổi, địa chỉ và sau khi trả nợ xong B đã xóa số điện thoại của những người này. Đối với chiếc ví đựng tiền của L, sau khi lấy tiền, B đã cho một người phụ nữ bán rau ở khu vực xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng, quá trình điều tra Cơ quan Công an đã truy tìm nhưng không thu hồi được. Anh P, sinh năm 1983 là chủ cửa hàng sửa xe Minh Phước tại số 12, đường 25/10 thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng là người đã sửa xe cho B, anh P đã tự nguyện nộp lại số tiền 500.000 đồng mà B đã trả tiền sửa xe.

Về dân sự: B đã bồi thường cho chị Lê Thị Liên số tiền là 4.000.000 đồng, chị L yêu cầu B phải bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại. Đối với chiếc ví giả da đựng tiền mà B chiếm đoạt của chị L, chị L khai chiếc ví giả da đã cũ và không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu B phải bồi thường trị giá chiếc ví giả da. Anh P đã tự nguyện giao nộp số tiền sửa xe 500.000 đồng, nay anh P không yêu cầu B phải bồi thường số tiền sửa xe trên.

Vật chứng của vụ án: 01 áo dài tay màu xanh, 01 áo phông cổ tròn ngắn tay màu hồng, 01 quần vải dài kaki màu nâu vàng, 01 khẩu trang vải tối màu, 01 đôi giày da màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen; số tiền 4.885.000 đồng (trong đó có

4.385.000 đồng do B giao nộp và 500.000 đồng do anh P giao nộp cho Cơ quan Công an).

Bản cáo trạng số 126/CT-VKSTN ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo B, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14 tháng 9 năm 2020). Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B. Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trả lại cho chị L số tiền 8.885.000 đồng, buộc bị cáo B phải bồi thường cho chị L số tiền còn lại là 24.815.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 áo dài tay màu xanh, 01 áo phông cổ tròn ngắn tay màu hồng, 01 quần vải dài kaki màu nâu vàng, 01 khẩu trang vải tối màu, 01 đôi giày da màu đen và 01 mũ bảo hiểm màu đen. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.240.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyệnN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyệnN, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyệnN, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16 tháng 6 năm 2020 bị cáo B đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt số tiền 33.700.000 đồng của chịL tại nhà chịL ở thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Do đó bị cáo B đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo B phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, trị giá tài sản chiếm đoạt lớn, số tiền bị cáo đã bồi thường cho bị hại nhỏ nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyệnN, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo B không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo B đã bồi thường cho chị L số tiền 4.000.000 đồng, nay bị hại là chị L yêu cầu bị cáo B phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt còn lại. Xét thấy trong quá trình điều tra B đã tự nguyện giao nộp số tiền chiếm đoạt còn lại là 4.385.000 đồng, anh P là người sửa xe cho B đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng là tiền mà B trả tiền sửa xe nên cần trả lại cho chị L số tiền 8.885.000 đồng, số tiền còn lại là 24.815.000 đồng buộc bị cáo B phải bồi thường cho chị L là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với chiếc ví giả da đựng tiền mà B chiếm đoạt của chị L, không thu hồi được và chị L không yêu cầu B phải bồi thường trị giá chiếc ví giả da nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh P đã tự nguyện giao nộp số tiền sửa xe 500.000 đồng, nay anh P không yêu cầu B phải bồi thường số tiền sửa xe nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 áo dài tay màu xanh, 01 áo phông cổ tròn ngắn tay màu hồng, 01 quần vải dài kaki màu nâu vàng, 01 khẩu trang vải tối màu, 01 đôi giày da màu đen và 01 mũ bảo hiểm màu đen là vật bị cáo B sử dụng khi chiếm đoạt tài sản của chị L, không còn giá trị sử dụng và bị cáo B không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.240.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B 18 (mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 14 tháng 9 năm 2020).

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Trả lại cho chị L số tiền 4.885.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000828 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo B phải bồi thường cho chị L số tiền là 24.815.000 đồng (Hai mươi tư triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị L đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại cho đến khi thi hành xong, bị cáo B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 áo dài tay màu xanh, 01 áo phông cổ tròn ngắn tay màu hồng, 01 quần vải dài kaki màu nâu vàng, 01 khẩu trang vải tối màu, 01 đôi giày da màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen. (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyệnN, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.240.750 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyệnN;
- Cơ quan điều tra Công an huyệnN;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyệnN;
- Chi cục THADS huyệnN;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**









